

## Vận động trong ngày



Nguồn: Fireant

## Thay đổi chỉ số

| Chỉ số trong nước | HSX       | HNX      |
|-------------------|-----------|----------|
| Chỉ số            | 1.268,57  | 313,29   |
| Thay đổi (%)      | 0,01%     | -0,52%   |
| Thay đổi          | 0,14      | -1,62    |
| Tổng KLGD         | 515,87    | 81,94    |
| Tổng GTGD         | 13.746,47 | 1.560,40 |
| NĐTNN ròng (tỷ)   | -276,06   | -0,49    |
| PE                | 13,55     | 15,10    |

| HĐTL chỉ số  | VN30     | VN30F1   |
|--------------|----------|----------|
| Chỉ số       | 1.309,50 | 1.300,90 |
| Thay đổi (%) | -0,09%   | 0,12%    |
| Thay đổi     | -1,2     | 1,6      |
| Basis        | 8,60     |          |

## Tăng giảm nhóm ngành

| Nhóm ngành L2 (%)      | Ngày   | Năm    |
|------------------------|--------|--------|
| Dầu khí L2             | 0,29%  | 100,7% |
| Hóa chất L2            | -0,70% | 147,4% |
| Tài nguyên Cơ bản L2   | 1,40%  | 134,5% |
| XD và Vật liệu L2      | 0,69%  | 63,8%  |
| Hàng & Dịch vụ CN L2   | 0,90%  | 55,4%  |
| Ô tô và phụ tùng L2    | 1,58%  | 49,1%  |
| Thực phẩm và đồ uống   | -0,07% | 26,6%  |
| Hàng cá nhân & GD L2   | 0,46%  | 93,8%  |
| Y tế L2                | 0,09%  | 21,7%  |
| Bán lẻ L2              | 0,49%  | 141,3% |
| Truyền thông L2        | -0,07% | 8,5%   |
| Du lịch và Giải trí L2 | -0,26% | 11,8%  |
| Viễn thông L2          | 4,77%  | 22,1%  |
| Điện, nước & xăng L2   | -0,31% | 52,1%  |
| Bảo hiểm L2            | 0,41%  | 39,1%  |
| Bất động sản L2        | 0,25%  | 56,0%  |
| Dịch vụ tài chính L2   | 1,09%  | 224,6% |
| Ngân hàng L2           | -0,31% | 100,7% |
| CNTT L2                | 0,69%  | 142,7% |

## XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

- VNINDEX kết phiên tăng nhẹ 0,14 điểm (+0,01%). Thị trường tiếp tục cho thấy sự phân hóa với 252 mã tăng và 191 mã giảm. Dòng tiền trên thị trường có dấu hiệu bị rút ra khi các nhà đầu tư bán chốt lười của nhịp bắt đáy trước. Lực chốt lười xuất hiện trên hầu hết các nhóm ngành

- Nhóm ngân hàng sau diễn biến vô cùng tích cực ngày hôm qua thì hôm nay âm đạm hơn khi gặp phải áp lực chốt lười. Trong khi đó, nhóm cổ phiếu VN30 có sự phân hóa mạnh giữa các mã cổ phiếu với 12 mã tăng và 15 mã giảm. Tuy vậy lực chốt lười vẫn chưa xuất hiện quá mạnh nên các cổ phiếu chỉ bị điều chỉnh nhẹ.

- Hôm qua nhóm cổ phiếu thép đặc biệt là cổ phiếu HPG diễn biến tiêu cực sau những thông tin xấu liên quan đến kết quả kinh doanh. Tuy nhiên hôm nay có diễn biến tích cực khi cổ phiếu đã về vùng chiết khấu sâu so với trước đó và có xuất hiện lực cầu vào bắt đáy.

- Nhóm cổ phiếu thủy sản mặc dù chịu áp lực chốt lười nhưng rút chân ở cuối phiên cho thấy xung lực vẫn còn rất khỏe như VHC, ANV. Ngược lại nhóm cổ phiếu phân bón mặc dù có nhiều tin tức tích cực nhưng bị chốt lười mạnh trong phiên hôm nay với khối lượng lớn cho thấy sự suy yếu và mang đậm tính đầu cơ.

- Hôm nay khối ngoại tiếp tục bán ròng ở các mã HPG, VIC.

- VNINDEX có dấu hiệu của nhịp điều chỉnh nhẹ tuy nhiên đã giảm vẫn chưa quá lớn vì vậy cần phải đánh giá thêm các phiên tiếp theo.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT &amp; KHUYẾN NGHỊ

## Phân tích kỹ thuật:

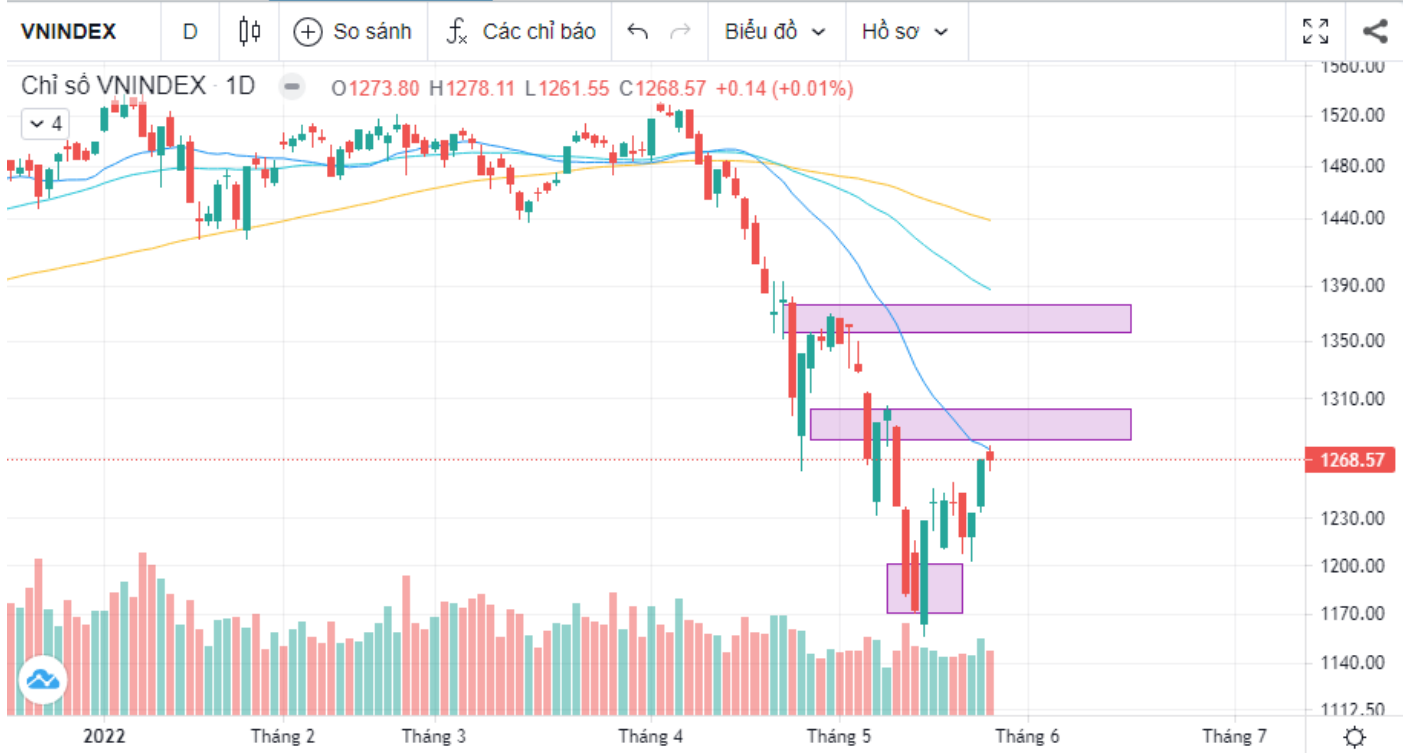
VNINDEX tăng tốt đầu phiên rồi gặp lực cản tại đường MA20 sau đó gặp phải áp lực chốt lười, đóng phiên tạo thành cây nến đỏ rút chân cho thấy xuất hiện lực cầu đỡ thị trường. Những diễn biến hiện tại tiếp tục vẫn cho thấy về một nhịp hồi phục trong ngắn hạn, còn việc thị trường điều chỉnh sau một phiên bùng nổ là hoàn toàn tự nhiên. Tuy nhiên xu hướng trung và dài hạn vẫn là xu hướng giảm, vì vậy khi phục hồi càng mạnh thì chỉ số sẽ gặp càng nhiều lực cản.

## Khuyến nghị:

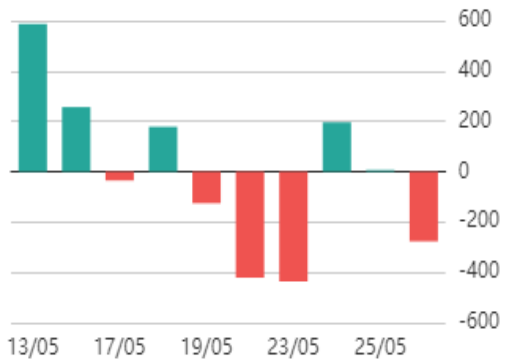
Nhà đầu tư có thể mở vị thế mua với những nhóm cổ phiếu có triển vọng kinh doanh tốt trong thời gian tới như thủy sản, dầu khí. Bên cạnh đó có thể cơ cấu những cổ phiếu yếu sang những mã cổ phiếu khỏe thuộc các dòng mạnh như: dầu khí, thủy sản.

*Kịch bản 1:* Thị trường đi ngang quanh vùng 1.260 – 1.270.

*Kịch bản 2:* VNINDEX điều chỉnh xuống vùng 1.240 sau đó quay đầu đi lên.

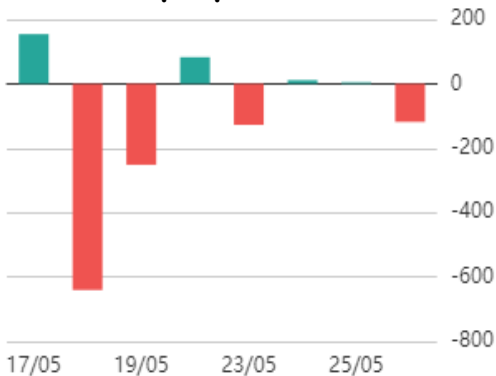


**Giao dịch nước ngoài trên HSX**



Nguồn: Fireant

**Giao dịch tự doanh trên HSX**



Nguồn: Fireant

**DIỂM TIN TRONG NƯỚC**

**Tin kinh tế trong nước**

[Hải Phòng vượt Quảng Ninh, dẫn đầu về Chỉ số cải cách hành chính](#)

[Vốn FDI giải ngân vào Việt Nam tăng cao nhất trong nửa thập kỷ, đâu là lĩnh vực hút vốn lớn nhất?](#)

[Bộ Giao thông vận tải có 9 dự án chậm giải ngân vốn đầu tư công](#)

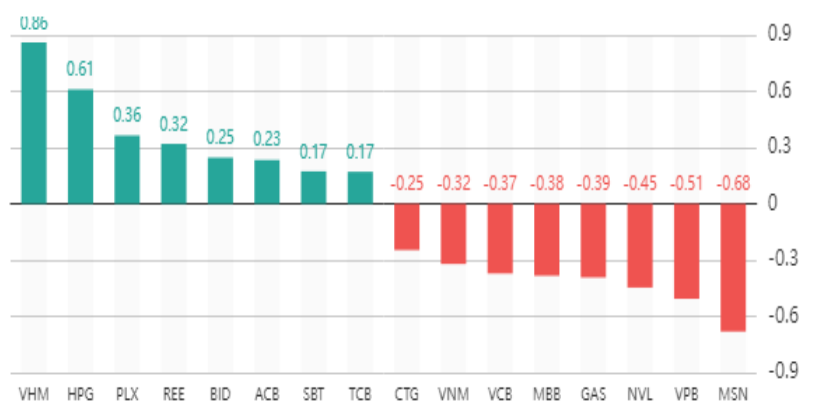
**Tin doanh nghiệp trong nước**

[An Phát Holdings ngừng phương án phát hành 800 tỷ đồng trái phiếu](#)

[Bất chấp đại dịch, vốn ngoại vẫn “đổ về” startup Việt, tiếp tục vươn lên tạo đà bứt phá trong năm 2022](#)

[Chủ tịch Trần Đình Long: "Đầu tư cổ phiếu Hoà Phát đường dài không thể lờ"](#)

**Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số**



Nguồn: Fireant

## Chỉ số thế giới

|            |        |        |
|------------|--------|--------|
| Dow Jones  | 190,47 | 0,59%  |
| DAX        | 88,18  | 0,63%  |
| FTSE100    | 38,4   | 0,51%  |
| Nikkei 225 | -70,34 | -0,26% |
| Hang Seng  | 59,17  | 0,29%  |

## Hợp đồng tương lai chỉ số

|             |      |        |
|-------------|------|--------|
| US30*       | 196  | 0,61%  |
| DAX*        | 115  | 0,82%  |
| FTSE100*    | 50,5 | 0,67%  |
| Nikkei 225* | -60  | -0,22% |
| Hang Seng*  | 4    | 0,02%  |

\* Số liệu của phiên liền trước

## ĐIỂM TIN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI

## Tin kinh tế thế giới

[“Lam phát bữa trưa” đốt cháy ví người lao động: Khi đồng lương không tăng kịp sinh hoạt phí đắt đỏ](#)

[Dow Jones tăng 450 điểm, nỗ lực thoát khỏi chuỗi 8 tuần lao dốc](#)

[Fed có thể tăng lãi suất thêm 1% sau hai kỳ họp tới](#)

## Tin hàng hóa thế giới

[Xuất khẩu thủy sản sang Australia tăng trên 60% nhờ lộ trình giảm thuế trong RCEP](#)

[Sau lúa mì, Ấn Độ sắp hạn chế xuất khẩu đường](#)

[Vàng tăng giá sau biên bản cuộc họp của Fed: Hàn Quốc tăng lãi suất](#)

Bảng tổng sắp thay đổi giá thị trường hàng hóa

| Mặt hàng                    | Đơn vị              | Giá      | % ngày | % tuần  | % tháng | % năm   | Cổ phiếu tác động |
|-----------------------------|---------------------|----------|--------|---------|---------|---------|-------------------|
| <b>Năng lượng</b>           |                     |          |        |         |         |         |                   |
| Dầu WTI                     | USD/thùng           | 110,33   | 0,51%  | 1,56%   | 5,39%   | 47,34%  | GAS,BSR           |
| Dầu Brent                   | USD/thùng           | 114,03   | 0,41%  | 2,22%   | 6,43%   | 46,61%  | GAS,BSR           |
| Xăng                        | UScent/gallon       | 3,83     | 0,57%  | -3,19%  | 11,39%  | 72,24%  | PLX,OIL           |
| <b>Kim loại quý</b>         |                     |          |        |         |         |         |                   |
| Vàng                        | USD/ounce           | 1.852,83 | -0,70% | 2,30%   | -2,30%  | 1,34%   | PNJ               |
| Bạc                         | USD/ounce           | 21,97    | -0,55% | 4,26%   | -3,39%  | -5,59%  | PNJ               |
| <b>Nông sản và gia súc</b>  |                     |          |        |         |         |         |                   |
| Đậu tương                   | UScent/gia          | 1.681,00 | -0,71% | 2,10%   | -1,60%  | 25,52%  | HKB               |
| Gạo                         | USD/cwt             | 17,08    | -0,55% | -1,70%  | -0,09%  | 14,98%  | LTG,GTN           |
| Sữa                         | USD/cwt             | 25,11    | 0,12%  | 0,56%   | 2,95%   | 36,32%  | VNM               |
| Cao su                      | JPY/Kg              | 250,70   | 3,38%  | 3,68%   | 1,50%   | 12,52%  | DPR,PHR           |
| Đường                       | UScent/lb           | 19,68    | -0,35% | 2,66%   | 1,71%   | 4,24%   | SBT,LSS           |
| Cà phê                      | UScent/lb           | 217,05   | 1,59%  | 1,95%   | -2,47%  | -4,00%  | CTP,DLG           |
| Gỗ                          | USD/1000 board feet | 651,80   | -1,24% | -29,15% | -37,31% | -43,22% | PTB               |
| Heo nạc                     | UScent/Lbs          | 109,05   | 0,02%  | 8,24%   | 8,08%   | 33,84%  | DBC               |
| <b>Mặt hàng công nghiệp</b> |                     |          |        |         |         |         |                   |
| Quặng sắt                   | USD/tấn             | 130,00   | 0,00%  | 4,42%   | -8,45%  | 12,07%  | HSG,HPG           |
| Thép                        | USD/tấn             | 4.625,00 | -1,03% | -7,83%  | -10,23% | 1,69%   | HSG,HPG           |

## THÔNG KÊ TRONG NGÀY

## Thông kê hợp đồng phái sinh

| Mã phái sinh | Thay đổi       | Mở cửa   | Đóng cửa | Cao nhất | Thấp nhất | KLGD    |
|--------------|----------------|----------|----------|----------|-----------|---------|
| VN30F2206    | 1.60 (0.12%)   | 1.302,10 | 1.300,90 | 1.310,50 | 1.292,10  | 279.325 |
| VN30F2207    | -1.90 (-0.15%) | 1.302,00 | 1.298,50 | 1.307,30 | 1.292,00  | 529     |
| VN30F2209    | -1.80 (-0.14%) | 1.306,00 | 1.296,60 | 1.306,00 | 1.291,00  | 40      |
| VN30F2212    | -4.90 (-0.38%) | 1.301,50 | 1.291,00 | 1.302,90 | 1.291,00  | 37      |

## Top 5 tăng giá HSX

| Mã  | Giá ĐC | Thay đổi     | KLGD      |
|-----|--------|--------------|-----------|
| SFC | 23,75  | +1,55/+6,98% | 100       |
| DBC | 25,3   | +1,65/+6,98% | 2.072.000 |
| VDS | 22,3   | +1,45/+6,95% | 480.300   |
| TNC | 43,1   | +2,80/+6,95% | 100       |
| DQC | 27     | +1,75/+6,93% | 171.900   |

## Top 5 giảm giá HSX

| Mã  | Giá ĐC | Thay đổi     | KLGD      |
|-----|--------|--------------|-----------|
| FLC | 6,2    | -0,46/-6,91% | 6.176.700 |
| PXS | 5,17   | -0,38/-6,85% | 581.000   |
| ROS | 4,1    | -0,30/-6,82% | 3.854.300 |
| AMD | 3,56   | -0,26/-6,81% | 5.727.800 |
| HAI | 3,17   | -0,23/-6,76% | 1.742.100 |

## Top 5 tăng giá HNX

| Mã  | Giá ĐC | Thay đổi      | KLGD      |
|-----|--------|---------------|-----------|
| GLT | 30,8   | +2,80/+10,00% | 100       |
| MAC | 9,9    | +0,90/+10,00% | 1.287.900 |
| PDB | 23,2   | +2,10/+9,95%  | 102.500   |
| VTL | 13,4   | +1,20/+9,84%  | 4.900     |
| SDU | 21,5   | +1,90/+9,69%  | 5.000     |

## Top 5 giảm giá HNX

| Mã  | Giá ĐC | Thay đổi      | KLGD      |
|-----|--------|---------------|-----------|
| CAN | 58,5   | -6,50/-10,00% | 300       |
| QTC | 14,4   | -1,60/-10,00% | 100       |
| KLF | 3,9    | -0,40/-9,30%  | 9.214.900 |
| L61 | 7,8    | -0,70/-8,24%  | 300       |
| BPC | 10,6   | -0,90/-7,83%  | 100       |

## Top mua ròng HSX

| Mã       | Giá ĐC | Thay đổi     | KLGD      |
|----------|--------|--------------|-----------|
| FUEVFNVD | 27,5   | +0,41/+1,51% | 7.767.700 |
| DGC      | 224,9  | -3,60/-1,58% | 138.700   |
| VCI      | 39,2   | +0,20/+0,51% | 493.700   |
| GMD      | 53,7   | -0,80/-1,47% | 299.400   |
| SSI      | 29,5   | +0,65/+2,26% | 508.000   |

## Top bán ròng HSX

| Mã  | Giá ĐC | Thay đổi     | KLGD       |
|-----|--------|--------------|------------|
| HPG | 35     | +0,55/+1,60% | -2.946.400 |
| VIC | 77,7   | 0,00/0,00%   | -848.500   |
| DXG | 27,2   | -0,35/-1,27% | -2.100.500 |
| VND | 24,35  | +0,05/+0,21% | -1.516.200 |
| MSN | 108,6  | -1,90/-1,72% | -340.300   |

27 - 05 - 2022

**DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYÊN NGHỊ**

| Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua   | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-------------|--------------|---------|------------|--------------|------------|---------|----------|---------|---------|
| HPG         | 35           | 16,59   | 05/08/2020 | 41,1         |            |         |          | 111,0%  |         |
| ANV         | 47,5         | 27      | 22/07/2021 | 48,4         |            |         |          | 75,9%   |         |
| VHC         | 102          | 40,55   | 22/07/2021 | 102          |            |         |          | 151,5%  |         |

**HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST**

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải  |
|----------------------|--|
| <b>MUA</b>           | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| <b>THEO DÕI</b>      | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%     |
| <b>NẮM GIỮ</b>       | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%   |
| <b>BÁN</b>           | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%  |

**THÔNG TIN LIÊN HỆ**

|                          |                               |                             |
|--------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| <b>Nguyễn Minh Hoàng</b> | Chuyên viên phân tích cao cấp | hoang.nguyenminh@vfs.com.vn |
| <b>Vũ Thị Hà Phương</b>  | Chuyên viên phân tích         | phuong.vu@vfs.com.vn        |
| <b>Nguyễn Hoàng Long</b> | Chuyên viên phân tích         | long.nguyen@vfs.com.vn      |
| <b>Trần Minh Quân</b>    | Chuyên viên phân tích         | quan.tran@vfs.com.vn        |

**© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)****Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: [www.vfs.com.vn](http://www.vfs.com.vn)

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: **(84-4) 39288222** – Ext: **117** Fax: **(84-4) 39338222**

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.